

PHỤ LỤC II

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

1. THÀNH PHỐ TÂN AN

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m2)	
			Phường	Xã
PHẦN I: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG				
A	ĐƯỜNG QUỐC LỘ (QL)			
1	QL 1A	Ranh thành phố Tân An và Thủ Thừa – Ngã 3 Thủ Thừa	2,000,000	
		Ngã ba Thủ Thừa – QL 62	3,000,000	
		QL 62 – Hết Trường Lý Tự Trọng	3,500,000	
		Hết Trường Lý Tự Trọng – Hết ranh khu Du lịch hồ Khánh Hậu	2,500,000	
		Hết ranh khu Du lịch hồ Khánh Hậu – Ranh Tiền Giang và Long An	2,000,000	
2	Đường tránh thành phố Tân An		1,500,000	1,500,000
3	QL 62	Quốc lộ 1A – Hết trường THCS Thống Nhất	7,000,000	
		Hết trường THCS Thống Nhất – Đường tránh thành phố Tân An	5,000,000	
		Đường tránh thành phố Tân An - Cổng Cần Đốt	3,000,000	
		Cổng Cần Đốt – UBND xã Lợi Bình Nhơn		2,700,000
		UBND xã Lợi Bình Nhơn - Ranh thành phố Tân An và Thủ Thừa		2,400,000
B	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)			
1	ĐT 833 (đường Tổng Uẩn)	Quốc lộ 1A - Cầu Tổng Uẩn	1,700,000	
		Cầu Tổng Uẩn – Hết ranh thành phố Tân An	1,400,000	1,300,000
2	ĐT 834 (đường vào Thủ Thừa)	Quốc lộ 1A – Hết ranh thành phố Tân An	1,400,000	1,400,000
C	ĐƯỜNG HUYỆN, THÀNH PHỐ			
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC			
I	Các đường liên phường			

1	Châu Thị Kim	Nguyễn Đình Chiểu – Huỳnh Văn Tạo	5,000,000	
		Huỳnh Văn Tạo - Kênh Phường 3	4,500,000	
		Kênh phường 3 – Đường Đinh Thiệu Sơn (Đường 277)	2,600,000	
		Đường Đinh Thiệu Sơn (Đường 277) – Hết ranh phường 7	1,800,000	
		Hết ranh phường 7 – Cầu cây Bần		1,800,000
		Cầu cây Bần – Cầu Bà Lý		1,000,000
		Cầu Bà Lý - Hết ranh thành phố Tân An		900,000
2	Châu Văn Giác (Bảo Định)	Cổng sau Bến xe khách LA – Hùng Vương	5,000,000	
3	Đinh Viết Cừu (Đường đê phường 3 - Bình Tâm)	Nguyễn Minh Trường - Nguyễn Thông	700,000	700,000
4	Đỗ Trình Thoại	Quốc lộ 1A – UBND xã Hướng Thọ Phú		1,400,000
		UBND xã Hướng Thọ Phú – Hết ranh thành phố		950,000
5	Hùng Vương	Quốc lộ 62 - Quốc lộ 1A	9,000,000	
		Quốc lộ 1A – Bùi Chí Nhuận (Đường số 2)	18,000,000	
		Bùi Chí Nhuận (Đường số 2) – Nguyễn Cửu Vân	13,500,000	
		Nguyễn Cửu Vân – Huỳnh Văn Nhứt	2,000,000	
		Huỳnh Văn Nhứt – Nguyễn Đình Chiểu	14,500,000	
6	Huỳnh Châu Sổ (Xuân Hòa P4 và Xuân Hòa – P6)	QL 62 (phường 6) – Nguyễn Văn Chánh	1,000,000	
7	Phía bên phải tính từ đường Hùng Vương	Nguyễn Cửu Vân		
		Hùng Vương – Đường vào nhà công vụ	4,000,000	
		Đường vào nhà công vụ - Hết đường	2,000,000	
		Hùng Vương – Đường vào nhà công vụ	1,700,000	
		Đường vào nhà công vụ - Hết đường	1,200,000	
8	Nguyễn Đình Chiểu(ĐT827)	Trần Hưng Đạo - Trương Định	6,500,000	
		Trương Định – Châu Thị Kim	9,500,000	
		Châu Thị Kim – Nguyễn Văn Rành	7,000,000	

		Nguyễn Văn Rành – Đình Thiệu Sơn (Đường 277)	3,500,000	
		Đình Thiệu Sơn (Đường 277) – Hết ranh thành phố Tân An	2,400,000	
9	Nguyễn Thái Bình		3,500,000	
10	Nguyễn Thông	Nguyễn Đình Chiêu – Huỳnh Văn Đánh	5,500,000	
		Huỳnh Văn Đánh – Trần Văn Nam	4,500,000	
		Nguyễn Minh Trường – Hết ranh bệnh viện đa khoa Long An	2,500,000	
		Hết ranh Bệnh viện đa khoa Long An – Hết ranh thành phố Tân An	2,000,000	1,500,000
11	Nguyễn Trung Trực	QL 1A – Võ Văn Tàn	15,000,000	
		Võ Văn Tàn – Trương Định	15,000,000	
		Trương Định – Cách mạng tháng 8	13,000,000	
12	Nguyễn Văn Rành	Phường 3,7	1,500,000	
13	Sương Nguyệt Anh	QL 62 – Hùng Vương	3,700,000	
14	Trần Minh Châu	Bến đò Chú Tiệt - ĐT 833		800,000
15	Trương Định	Lý Thường Kiệt– Nguyễn Đình Chiêu	5,500,000	
		Nguyễn Đình Chiêu – Nguyễn Trung Trực	15,000,000	
		Nguyễn Trung Trực – Cầu Trương Định	15,000,000	
		Cầu Trương Định - Võ Văn Tàn	8,000,000	
		Võ Văn Tàn - QL 1A	9,000,000	
16	Đường ven sông Bảo Định	Kênh vành đai Phường 3 đến ranh Phường 7 - An Vĩnh Ngãi	500,000	
		Ranh Phường 7 đến rạch Cây Bần - An Vĩnh Ngãi		350,000
		Từ rạch Cây Bần đến cầu liên xã – An Vĩnh Ngãi		300,000
II	Các đường khác			
1	Phường 1			
1	Bùi Thị Đồng	Nguyễn Đình Chiêu - Võ Công Tôn	5,000,000	
	Cách Mạng Tháng Tám	Phan Văn Đạt – Nguyễn Huệ	4,000,000	
2	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Huệ - Nguyễn Trung Trực	6,000,000	
	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Trung Trực –	6,000,000	

		Hai Bà Trưng		
3	Hai Bà Trưng		6,000,000	
4	Lãnh Binh Tiến	Nguyễn Duy - Nguyễn Trung Trực	9,000,000	
5	Lê Anh Xuân (đường 172)	Thủ Khoa Huân - Cuối tuyến (đường 172 cũ)	1,500,000	
6	Lê Lợi	Trương Định - Ngô Quyền	9,000,000	
7	Lý Công Uẩn	Trương Định – Thủ Khoa Huân	4,500,000	
8	Lý Thường Kiệt		2,400,000	
9	Ngô Quyền	Nguyễn Trung Trực - Nguyễn Huệ	6,000,000	
10	Nguyễn An Ninh (Đường Vành Đai Công viên phường 1 - phường 3)	Hùng Vương - Hai Bà Trưng	9,000,000	
11	Nguyễn Duy	Trương Định - Ngô Quyền	9,000,000	
12	Nguyễn Huệ	Hoàng Hoa Thám – Thủ Khoa Huân	5,000,000	
13	Nguyễn Thái Học		3,500,000	
14	Phan Bội Châu		3,000,000	
15	Phan Văn Đạt	Cách mạng tháng 8 – Nguyễn Huệ (Phía trên)	3,850,000	
		Cách mạng tháng 8 – Thủ Khoa Huân (Phía bờ sông)	2,200,000	
16	Thủ Khoa Huân	Hai Bà Trưng - Đầu hẻm 216 Thủ Khoa Huân	5,458,000	
		Hẻm 216 đến hết đường – Phía trên	3,500,000	
		Hẻm 216 đến hết đường – Phía bờ sông	2,000,000	
17	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Đình Chiểu – Nguyễn Huệ	4,500,000	
18	Trương Công Xưởng	Lê Lợi - Nguyễn Đình Chiểu	6,000,000	
19	Võ Công Tồn	Trương Định – Cách Mạng Tháng Tám	5,500,000	
		Cách Mạng Tháng Tám – Thủ Khoa Huân	5,000,000	
20	Đường giữa chợ Tân An - P1	Trương Định - đầu nhà lồng chợ Tân An	9,000,000	
21	Đường hẻm 139 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 1	Nguyễn Đình Chiểu (cặp Sở Tư pháp tỉnh Long An) - hết đường	1,000,000	
22	Đường hẻm 46 Thủ Khoa Huân, Phường 1	Thủ Khoa Huân - hết đường	1,000,000	

	Đường hẻm 46 Thủ Khoa Huân, Phường 2	Các nhánh	550,000	
23	Hẻm 18 (đường 172)	Từ ngã 3 Lê Anh Xuân (Đường số 4 (đường 172) - Nguyễn Công Trung	1,200,000	
2	Phường 2			
1	Bạch Đằng	Cầu Dây - Trương Định	6,000,000	
2	Bùi Chí Nhuận (Đường số 2 - P2)	Châu Văn Giác (Bảo Định) - Trương Định	12,500,000	
3	Đỗ Tường Phong (Đường số 5 B - P2)	Trương Văn Bang (Đường số 3) - Trương Định	8,000,000	
4	Hồ Văn Long		3,500,000	
5	Hoàng Hoa Thám		3,700,000	
6	Huỳnh Thị Mai	Nguyễn Trung Trực - Trương Định	2,000,000	
7	Huỳnh Văn Gấm		3,500,000	
8	Huỳnh Việt Thanh		3,700,000	
9	Lê Cao Đồng (Đường số 5 A - P2)	(Phía trước tiểu công viên)	9,500,000	
10	Lê Thị Thôi	Phản lảng bê tông nhựa nóng	3,000,000	
	Lê Thị Thôi	Phản lảng bê tông xi măng	2,000,000	
11	Lê Văn Tao		5,000,000	
12	Mai Thị Tốt	Trương Định – Hùng Vương	11,000,000	
13	Nguyễn Thanh Cần		3,100,000	
14	Phạm Thị Đầu	Hùng Vương - QL 62	4,500,000	
15	Phan Đình Phùng		3,000,000	
16	Trà Quý Bình (Đường số 1 - P2)	Cổng chính Đài Truyền hình - Trương Văn Bang (Đường số 3)	11,000,000	
17	Trịnh Quang Nghị (Sương Nguyệt Anh cư xá)	Hùng Vương - Nguyễn Văn Tạo (Đường số 4)	2,700,000	
18	Trương Văn Bang (Đường số 3 - P2)	Trà Quý Bình (Đường số 1) - Bùi Chí Nhuận (Đường số 2)	9,000,000	
19	Võ Thị Kế	Huỳnh Việt Thanh – Nguyễn Thanh Cần	3,000,000	
20	Võ Văn Tần	Trương Định – QL 1A	12,000,000	
21	Đường hẻm 61 Sương Nguyệt Anh	Sương Nguyệt Anh - Quốc lộ 62	1,650,000	
22	Đường sau UBND phường 2		1,650,000	
23	Đường số 4 - P2	Châu Văn Giác (Bảo Định) - Hùng Vương	5,000,000	
24	Đường số 6 - P2	Mặt sau Công ty Phát triển nhà - mặt sau Ban Quản lý các khu công nghiệp	3,000,000	

25	Đường xuyên căn cứ Cao Đài	Quốc lộ 62 - Hùng Vương	5,000,000	
26	Đường số 1 phường 2	Võ Văn Tấn - Trương Định	7,000,000	
27	Đường hẻm 48 Huỳnh Việt Thanh		1,200,000	
28	Đường hẻm 57 Huỳnh Văn Gấm		1,200,000	
29	Đường hẻm 68 đường Hùng Vương	Hùng Vương - Nguyễn Thị Nhỏ (Đường số 3 (đường vào Hội CCB tỉnh) - Phường 4	2,000,000	
3	Phường 3			
1	Huỳnh Hữu Thống	Nguyễn Đình Chiểu – Huỳnh Văn Nhứt	2,000,000	
2	Huỳnh Văn Đảnh	Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Thái Bình	2,000,000	
3	Huỳnh Văn Nhứt	Phía bên trái tính từ đường Hùng Vương	2,000,000	
		Phía bên phải tính từ đường Hùng Vương	1,200,000	
4	Huỳnh Văn Tạo	Nguyễn Đình Chiểu - Châu Thị Kim	2,000,000	
		Châu Thị Kim - Đường số 2 (Khu tái định cư đối diện công viên)	1,350,000	
5	Lê Anh Xuân (Đường số 4 (đường 172)	Nguyễn Thái Bình đến ngã 3 Ao	1,500,000	
		Từ ngã 3 Ao đến Nguyễn Công Trung	1,300,000	
6	Lê Thị Điền (Đường 471 cấp UBND phường 3)	Nguyễn Đình Chiểu - Trần Văn Nam	1,300,000	
7	Lê Văn Lâm (Đường Bình Đông -P3 (Xóm vườn gần)	Nguyễn Thông - Đinh Viết Cừu (Đê phường 3 – Bình Tâm)	850,000	
8	Nguyễn An Ninh (Đường Vành Đai Công viên phường 1 - phường 3)	Hùng Vương - Hai Bà Trưng	10,000,000	
9	Nguyễn Công Trung	Nguyễn Thông - Nguyễn Thái Bình	1,500,000	
10	Nguyễn Hồng Sến (Đường Đình Bình Lập - P3)	Nguyễn Thái Bình - Hẻm 147 Nguyễn Thái Bình	1,000,000	
		Hẻm 147 Nguyễn Thái Bình - Trần Văn Nam	700,000	
11	Nguyễn Minh Trường	Nguyễn Đình Chiểu – Nguyễn Thông	1,600,000	
		Nguyễn Thông – Đinh Viết Cừu (Đê phường 3 – Bình Tâm)	1,400,000	

		Đinh Viết Cửu (Đê phường 3 – Bình Tâm) – Sông Vàm Cỏ Tây	1,050,000	
12	Nguyễn Thái Bình		3,000,000	
13	Trần Văn Hỷ (Đường liên xã Bình Tâm - Bình Đông (Xóm vườn xa))	Nguyễn Thông - Đinh Viết Cửu (Đê phường 3 – Bình Tâm)	800,000	
14	Trần Văn Nam	Sông Vàm Cỏ – Nguyễn Thái Bình	1,600,000	
	Trần Văn Nam	Nguyễn Thái Bình – Nguyễn Đình Chiêu	2,000,000	
15	Trương Thị Sáu (Đường hẻm 182 - Châu Thị Kim – P3)	Châu Thị Kim - Huỳnh Văn Nhứt	1,300,000	
16	Võ Phước Cường (Đường 51 (Hẻm 6) - Phường 3)	Nguyễn Thông - Huỳnh Văn Đảnh	1,450,000	
17	Võ Văn Mùi (Đường 129 - phường 3 cấp Thành Đội Tân An)	Châu Thị Kim - Nguyễn Đình Chiêu	2,000,000	
18	Đường hẻm 147 Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Thái Bình - Nguyễn Hồng Sến (Đường Đinh Bình Lập - P3)	1,000,000	
19	Đường kênh 6 Văn - Phường 3	Nguyễn Minh Trường - hết đoạn (bên đường)	1,100,000	
		Nguyễn Minh Trường - hết đoạn (bên kênh)	500,000	
4	Phường 4			
1	Lê Hữu Nghĩa (Đường số 10)	QL 1A – Nguyễn Cửu Vân	1,200,000	
2	Lưu Văn Tể (Đường số 5 [đường vào chùa Thiên Khánh] - P4)	QL 1A - Nguyễn Văn Tạo (Đường số 4 (đường Bình Cư)	1,400,000	
3	Nguyễn Kim Công (Đường Sáu Bé - P4)	Khu nhà công vụ - hết đường.	850,000	
4	Nguyễn Minh Đường (Đường số 2 (đường chợ Phường 4))	QL 1A - Nguyễn Cửu Vân	2,500,000	
5	Nguyễn Thị Nhỏ (Đường số 3 (đường vào Hội CCB tỉnh) - Phường 4)	QL 1A - Trịnh Quang Nghị (Sương Nguyệt Anh nổi dài)	2,500,000	
6	Nguyễn Văn Tạo (Đường số 4 (đường Bình Cư) - P4)	QL 1A - QL62	2,500,000	
7	Trần Phong Sắc (Đường số 1-P4 (Đường vào Tịnh Xá Ngọc Thành))	Đường Châu Văn Giác (Bảo Định) - Đến hết phần đường có bê tông nhựa	3,200,000	
8	Trịnh Quang Nghị (Sương Nguyệt Anh cư xá)	Hùng Vương - Nguyễn Văn Tạo (Đường số 4 (đường Bình Cư)	2,700,000	
		Nguyễn Văn Tạo (Đường số 4 (đường Bình Cư) - Lưu Văn Tể	2,000,000	

		(Đường số 5 (đường vào chùa Thiên Khánh)		
9	Võ Tấn Đồ (Đường số 6 - vào nghĩa địa phường 4)	QL 1A - đường tránh Đường tránh - Nghĩa trang	1,000,000 600,000	
10	Võ Văn Môn (Đường số 9)	QL 1A – Nguyễn Cửu Vân	1,600,000	
11	Đường hẻm 401 QL 1A - P4	QL1A - hết đường (giữa trường Lê Quý Đôn và Bảo tàng tỉnh Long An)	600,000	
12	Đường hẻm 62, Phường 4	Nguyễn Cửu Vân - nhánh đường số 1	1,600,000	
13	Đường số 1 (nhánh), Phường 4	Đường số 1 - Nguyễn Cửu Vân	1,600,000	
14	Đường số 11 - P4	QL 1A - bệnh xá Công an (Hậu cần)	700,000	
15	Đường số 7 - P4	QL 1A - Xuân Hòa	500,000	
16	Hẻm 402 QL 1A - P4	QL 1A - hết đường (bên hông Cty In Phan Văn Mảng)	600,000	
17	Khu đất ở công chức Cục Thuế - P4	Các đường nội bộ	600,000	
5	Phường 5			
1	Cao Văn Lầu		900,000	
2	Cử Luyện (Đường vào Cty Lương thực)	QL 1A – Cao Văn Lầu Cao Văn Lầu – Bến đò	1,800,000 1,100,000	
3	Đặng Văn Truyện (Lộ Khu phố Bình Phú - P5)	Nguyễn Văn Tiếp (Đường số 2 (đường Xóm Bún) - Nguyễn Quang Đại (Đường Trường Phú Nhơn)	700,000	
4	Huỳnh Ngọc Hay (đê rạch Châu Phê Đông)	Cổng Châu Phê - Trần Minh Châu	600,000	
5	Huỳnh Thị Đức (Đường đê ấp 5 - P5)	ĐT 833 - Mai Bá Hương (Đường ấp 5 - P5)	550,000	
6	Lê Văn Khuyên (Đường lộ Nhơn Hòa 1 - P5)	ĐT 833 - Trần Minh Châu	700,000	
7	Lê Văn Tường (Đường số 1 (đường ấp 4) Phường 5- Hướng Thọ Phú)	QL 1A - Đường tránh thành phố Tân An	1,500,000	
8	Mai Bá Hương (Đường ấp 5 - P5)	ĐT 833 - Cầu Bà Rịa	600,000	
9	Nguyễn Quang Đại (Đường Trường Phú Nhơn - P5)	Cử Luyện - Cao Văn Lầu	800,000	
10	Nguyễn Văn Nhâm (Đường đê phường 5 - Nhơn Thạnh	Trần Minh Châu - ranh Nhơn Thạnh Trung	600,000	

	Trung)	Ranh P5 - Nhơn Thạnh Trung (TMC) đến cổng ông Dậm(xã)	550,000	
11	Nguyễn Văn Siêu (đường Rạch Châu Phê Tây)	Cao Văn Lầu - ĐT 833	550,000	
12	Nguyễn Văn Tiếp (Đường số 2 (đường Xóm Bún) - P5)	QL1 - ĐT 833	1,650,000	
13	Quách Văn Tuấn (Đường đê đội 7 khu phố Thọ Cang - P5)	Cầu Bà Rịa - hết ranh thành phố Tân An	550,000	
14	Đường vào cầu Tân An cũ - P5	Cầu sắt cũ – Trạm Đăng Kiểm	1,600,000	
15	Đường vào Trung tâm Khuyến nông - P5	QL 1A - Ranh xã Hướng Thọ Phú	700,000	
17	Đường Liên Huyện	Từ cầu Bà Rịa - hết ranh thành phố (xã Bình Thạnh – Thủ Thừa)	600,000	
6	Phường 6			
1	Lê Văn Kiệt (Đường Bình Cư 3 - Phường 6)	QL 62 – Nguyễn Thị Hạnh	1,500,000	
2	Nguyễn Thị Bảy	Nút giao thông P6 QL 62 – Phan Văn Lại	2,200,000	
	Nguyễn Thị Bảy	Phan Văn Lại – QL 62	1,700,000	
3	Nguyễn Thị Hạnh	Huỳnh Văn Gấm - Cổng Rạch Mương	1,400,000	
	Nguyễn Thị Hạnh	Cổng Rạch Mương – Hết đường	1,100,000	
4	Nguyễn Văn Chánh (Xuân Hòa - phường 6)	Huỳnh Châu Sỏ (Xuân Hòa – P6) - Nguyễn Huỳnh Đức (Lộ Dương cũ)	1,000,000	
5	Phạm Văn Chiêu	QL 62 - Hết đường	2,600,000	
6	Phạm Văn Trạch	Phan Văn Lại – Võ Ngọc Quận	1,000,000	
7	Phan Văn Lại	Nguyễn Thị Bảy – Sông Vàm Cỏ Tây	2,100,000	
8	Võ Ngọc Quận	Nguyễn Thị Bảy - Phạm Văn Trạch	1,700,000	
9	Đường cặp Cty Chăn nuôi - P6	QL62 – Nguyễn Thị Bảy	1,000,000	
10	Đường cổng Rạch Rót - P6	Phan Văn Lại - Lê Văn Kiệt (Đường Bình Cư 3)	700,000	
11	Đường Hẻm 203 - P6	Nhà bà Châu - Nhà Ông Thảm	800,000	
12	Đường hẻm thông QL 62 - Khu dân cư Kiến Phát	QL 62 - khu dân cư Kiến Phát	1,500,000	
13	Đường kênh 9 Bụng (Xuân Hòa 2) – P6	Có lộ	350,000	
		Không lộ	300,000	
14	Đường kênh Ba Mao - P6	Có lộ	500,000	
		Không lộ	300,000	

15	Đường kênh Khánh Hậu Đông – Xuân Hòa 2 - P6	Có lộ	600,000	
		Không lộ	400,000	
16	Đường kênh Lò Gạch (Xuân Hòa 2) - P6	Xuân Hòa - hết đường	350,000	
17	Đường vào cư xá xây lắp - P6	Nguyễn Thị Hạnh - hết đường	700,000	
18	Đường vào DNTN T&G - P6	QL 62 - kho vật tư Tỉnh Đới	1,000,000	
19	Đường Khánh Hậu	Đường số 7 - phường 6	600,000	
20	Đường vào Trung tâm xúc tiến việc làm	QL 62 - cổng Chi nhánh trường dạy nghề Long An	2,100,000	
21	Đường vòng sân bóng Tỉnh Đới	QL 62 - Xuân Hòa (Phường 6)	1,100,000	
22	Đường xóm biển - P6	Nguyễn Thị Hạnh - hết đường	500,000	
23	Đường xóm Đập - P6	Nhánh đường Xuân Hoà (chữ U)	500,000	
24	Đường Xóm Đình - P6	Nguyễn Thị Hạnh (gần Chùa Hội Nguyên) - hết đường	700,000	
25	Đường Xóm Đình - P6	Xuân Hòa 2	500,000	
26	Đường Xóm Đình XH 2 nối dài - P6	Xuân Hòa 2	500,000	
7	Phường 7			
1	Châu Văn Bảy (Đường Đình An Trị - P7)	Châu Thị Kim - Sông Bảo Định	900,000	
2	Đình Thiếu Sơn (Đường 277 (kênh 6 Nguyên) - P7)	Châu Thị Kim - ĐT 827 (bên đường)	800,000	
		Châu Thị Kim - ĐT 827 (bên kênh)	600,000	
3	Đỗ Văn Giàu (Đường lộ 30/4 - P7)	Châu Thị Kim - Đường Xóm Ngọn (bên đường)	750,000	
		Châu Thị Kim - Đường Xóm Ngọn (bên kênh)	550,000	
4	Huỳnh Hoàng Hiến (Đường 3 Ngàn - P7)	Châu Thị Kim - ĐT 827	850,000	
5	Nguyễn Văn Khánh (Đường Tư Hiền - P7)	Châu Thị Kim - Đỗ Văn Giàu (Đường lộ 30/4 - P7)	600,000	
6	Nguyễn Văn Tịch (Đường kênh Năm Giác, P7-AVN))	Châu Thị Kim – ĐT 827	700,000	
7	Nguyễn Văn Trưng (Đường Xóm Chùa – P7)	Châu Thị Kim - Sông Bảo Định	600,000	
8	Đường hẻm 278 - Châu Thị Kim – P7	Châu Thị Kim - hết đường	800,000	
8	Phường Tân Khánh			
1	Hoàng Anh (Đường Thủ Từu - Tân Khánh)	Quốc lộ 1A - Phạm Văn Ngộ (Đường 30/4 - Tân	1,000,000	

		Khánh)		
2	Nguyễn Văn Cương (Đường ấp Cầu - Tân Khánh)	Quốc lộ 1A - Phạm Văn Ngô (Đường 30/4 - Tân Khánh)	600,000	
3	Phạm Văn Ngô (Đường 30/4 - Tân Khánh)	Cầu Thủ Tửu - Trần Văn Đầu (Đường Lò Lu - Tân Khánh)	800,000	
		Trần Văn Đầu - Nguyễn Văn Cương (Đường ấp Cầu - Tân Khánh)	600,000	
4	Phạm Văn Thành (Đường Bắc Thủ Tửu - Khánh Hậu)	QL 1A - Nguyễn Cửu Văn	700,000	
5	Trần Văn Đầu (Đường Lò Lu - Tân Khánh)	QL 1A - Cầu Liên xã - An Vĩnh Ngãi (bên trái)	600,000	
		Bên phải (có kinh Trần Văn Đầu)	500,000	
9	Phường Khánh Hậu			
1	Cù Khắc Kiệm (Lộ Giồng Dinh (Đường Lộ Dương - Kênh Xáng) - Khánh Hậu)	Nguyễn Huỳnh Đức (Lộ Dương cũ) - Kinh Xáng	500,000	
2	Lương Văn Chấn (Lộ ấp Quyết Thắng cũ)	Bên có lộ	800,000	
	Lương Văn Chấn (Lộ ấp Quyết Thắng cũ)	Bên kênh không lộ	500,000	
3	Nguyễn Huỳnh Đức (Lộ Dương cũ)	Cổng 1 Lãng Nguyễn Huỳnh Đức – Cổng 2	1,500,000	
4	Nguyễn Văn Chánh (Xuân Hòa – Khánh Hậu)	Huỳnh Châu Sở (Xuân Hòa – P6)- Nguyễn Huỳnh Đức (Lộ Dương cũ)	1,000,000	
5	Nguyễn Văn Quá (Đê Bao Kinh xáng – Khánh Hậu)	Kinh Xáng - Cù Khắc Kiệm (Lộ Giồng Dinh (Đường Lộ Dương - Kênh Xáng) - Khánh Hậu)	500,000	
10	Xã Lợi Bình Nhơn			
1	Bùi Văn Bộn (Đường đê chống lũ - Lợi Bình Nhơn)	Từ Quốc lộ 62 (Chợ Rạch Chanh) - sông Vàm Cỏ Tây		500,000
2	Nguyễn Đại Thời (Đường GTNT cấp 6 - Lợi Bình Nhơn)	Từ cầu Máng đến cầu Mới		500,000
3	Nguyễn Tấn Chín (Đường kênh Chính Nam - Lợi Bình Nhơn)	Từ cầu Máng đến lộ Giồng Dinh		500,000
4	Nguyễn Văn Quá (Đường đê Rạch Chanh – Rạch Gốc - Lợi Bình Nhơn)	QL 62 – Cù Khắc Kiệm (Lộ Giồng Dinh (Đường Lộ Dương - Kênh Xáng) - Khánh Hậu)		500,000

5	Phan Văn Tuấn (Đường kênh Chính Bắc - Lợi Bình Nhơn)	Nguyễn Văn Quá (Đường đê Rạch Chanh – Rạch Gốc)- cầu Máng		500,000
6	Võ Duy Tạo (Đường vào bãi rác – Lợi Bình Nhơn)	Quốc lộ 62 – Phan Văn Tuấn (Đường đê Rạch Chanh – Rạch Gốc)		1,000,000
7	Đường GTNT ấp Bình An A - Lợi Bình Nhơn	Phan Văn Tuấn (Đường kênh Chính Bắc) - Nguyễn Văn Quá (Đường đê Rạch Chanh – Rạch Gốc)		500,000
8	Đường GTNT ấp Bình An B	Từ nguyên đến Đường Cao Tốc		500,000
		Từ cổng Tư Dư - quán ông Cung		500,000
9	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi	Từ khu đô thị đến ấp Ngãi Lợi 1A		500,000
10	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi B - Lợi Bình Nhơn	Phan Văn Tuấn (Đường kênh Chính Bắc) - Nguyễn Văn Quá (Đường đê Rạch Chanh – Rạch Gốc)		500,000
11	Đường GTNT liên ấp Ngãi Lợi 1A - Bình An A – Lợi Bình Nhơn	Phan Văn Tuấn (Đường kênh Chính Bắc) - nhà anh út Mắm		500,000
12	Đường Xuân Hòa 1 đến ngọn Mã Lách - Lợi Bình Nhơn	QL 62 - đường dây điện Sơn Hà		500,000
13	Lộ Rạch Đào - Lợi Bình Nhơn	Đường Bãi Rác - cầu Ông Giá		500,000
14	Tỉnh lộ 49 cũ (Rạch Chanh) – Lợi Bình Nhơn	QL 62 - sông Rạch Chanh mới		600,000
11	Xã Bình Tâm			
1	Đỗ Tường Tự (Đường ấp 2 – Bình Tâm)	Nguyễn Thông - Đinh Viết Cừu (Đường đê phường 3 - Bình Tâm)		1,200,000
2	Lương Văn Hội (Đường cầu Phú Tâm - Bình Tâm)	Nguyễn Thông – Cầu Phú Tâm		600,000
3	Nguyễn Thị Chữ (Đường bến đò Đồng Dư – Bình Tâm)	ĐT 827A - Bến đò Đồng Dư		500,000
4	Nguyễn Thị Lê (Đường Bến đò Sáu Bay - Bình Tâm)	ĐT 827A - Bến đò Sáu Bay		500,000
5	Phan Đông Sơ (Đường liên xã Bình Tâm – Bình Nam)	Lộ ấp 4 (ĐT 827B) - cuối ấp Bình Nam (ĐT827A)		800,000
6	Trần Văn Hý (Đường liên xã Bình Tâm - Bình Đông (Xóm vườn xa))	Nguyễn Thông - Đinh Viết Cừu (Đường đê phường 3 - Bình Tâm)		800,000
7	Đường Trường học Bình Nam – Bình Tâm	ĐT827A - Đường liên ấp 4 – Bình Nam		500,000
12	Xã An Vĩnh Ngãi			

1	Huỳnh Công Phên (Đường Sáu Quận - An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim - lộ tế Trung Hòa		300,000
2	Khương Minh Ngọc (Đường Xóm Tương - An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim – Ranh Hòa Phú		300,000
3	Lê Văn Càng (Đường Vĩnh Bình – An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim - đường Xóm ngọn		300,000
4	Nguyễn Văn Tịch (Đường kênh Năm Giác, P7-AVN)	Châu Thị Kim – ĐT 827		750,000
5	Phạm Văn Điền (Đường Kênh Tình Tang - An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim – ĐT 827		300,000
6	Trần Văn Đẩu (Đường Lò Lu - Tân Khánh)	Cầu Liên xã - An Vĩnh Ngãi – Châu Thị Kim		500,000
7	Trần Văn Ngà (Đường Vĩnh Hòa - An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim - ĐT 827		350,000
8	Vũ Tiến Trung (Đường Hai Tình – An Vĩnh Ngãi)	Châu Thị Kim - Sông Bảo Định		300,000
9	Đường 5 An	Châu Thị Kim – ranh xã Trung Hòa		300,000
10	Đường Cầu Bà Lý - An Vĩnh Ngãi	Châu Thị Kim - hết ranh thành phố (đường đi xã Trung Hòa - Tiền Giang)		300,000
11	Đường lộ Tư Vĩnh - An Vĩnh Ngãi	Châu Thị Kim – Đường Nguyễn Văn Tịch (Đường kênh Năm Giác, P7-AVN)		400,000
12	Đường Xóm Ngọn - An Vĩnh Ngãi	Trần Văn Ngà (Đường Vĩnh Hòa)- Nguyễn Văn Tịch (Đường kênh Năm Giác, P7-AVN)		300,000
13	Đường kênh 10 Nọng	Nguyễn Văn Tịch (Đường kênh Năm Giác, P7-AVN)- Lê Văn Càng (Đường Vĩnh Bình)		300,000
13	Xã Hướng Thọ Phú			
1	Đặng Ngọc Sương (Đường ấp 3 (lộ Cổng Vàng)- Hướng Thọ Phú)	Đỗ Trình Thoại (cặp UBND Xã Hướng Thọ Phú) - ngã 3 lộ Ấp 3		700,000
2	Huỳnh Ngọc Mai (Đường ấp 4 - Hướng Thọ Phú)	Trường học cấp 2 Hướng Thọ Phú (cũ) – ngã 3 đề bao tỉnh		800,000
3	Lê Văn Tường (Đường số 1 (đường ấp 4) Phường 5- Hướng Thọ Phú)	Đường tránh thành phố Tân An - ngã 3 đường lộ ấp 4		800,000
4	Trần Văn Ngân (Đường ấp 1 – Hướng Thọ Phú)	Đỗ Trình Thoại - đề bao Tỉnh		600,000
5	Đường đề Tỉnh – Hướng Thọ Phú	Ngã 3 lộ Ấp 4 – Hết ranh		550,000

6	Đê bao ấp 1,2 - Hướng Thọ Phú	Đê bao Tỉnh - đê bao ấp 2		400,000
7	Đê bao ấp 2 - Hướng Thọ Phú	Đê bao Tỉnh - đê bao ấp1, 2		600,000
14	Xã Nhơn Thạnh Trung			
1	Bùi Tấn (Đường Lộ Đình - Nhơn Thạnh Trung)	ĐT 833 - cầu Đình		700,000
2	Huỳnh Thị Lung (Đường Tập đoàn 8 Nhơn Thuận - Nhơn Thạnh Trung)	Bùi Tấn (Đường Lộ Đình -Nhơn Thạnh Trung) - đường Nhơn Thuận		500,000
3	Lê Minh Xuân (Đường đê Nhơn Trị – Nhơn Thạnh Trung)	ĐT 833 - đường Trần Công Oanh (Đường Cầu Đình Nhơn Trị)		500,000
4	Lê Thị Trăm (Đường Tập đoàn 6 Nhơn Thuận - Nhơn Thạnh Trung)	Đường Bùi Tấn - cầu Ông Thơ		600,000
5	Lương Văn Bang (đường Nhơn Thuận - Đê Nhơn Trị)	Mai Thu (Đường ấp Nhơn Thuận - (ĐT 833 - Đê Nhơn Trị))- Lê Minh Xuân (Đường đê Nhơn Trị)		557,000
6	Mai Thu (Đường ấp Nhơn Thuận – Nhơn Thạnh Trung – (ĐT 833 - Đê Nhơn Trị))	Phía đường từ ĐT 833 - Lương Văn Bang (đường Nhơn Thuận - Đê Nhơn Trị)		700,000
		Phía kênh từ ĐT 833 - Lương Văn Bang (đường Nhơn Thuận - Đê Nhơn Trị)		500,000
7	Nguyễn Văn Bộ (Đường Bình Trung–Nhơn Thạnh Trung (ĐT 833 - cổng trường học)	Phía đường từ ĐT 833 đến đê P5 – Nhơn Thạnh Trung		600,000
	Nguyễn Văn Bộ (Đường Bình Trung–Nhơn Thạnh Trung (ĐT 833 - cổng trường học)	Phía kênh từ ĐT 833 đến đê P5 – Nhơn Thạnh Trung		500,000
8	Nguyễn Văn Nhâm (Đường đê phường 5 - Nhơn Thạnh Trung)	Trần Minh Châu - ranh NTT		550,000
	Nguyễn Văn Nhâm (Đường đê phường 5 - Nhơn Thạnh Trung)	Ranh P5 - NTT (TMC) đến cống ông Dậm		550,000
9	Trần Công Oanh (Đường Cầu Đình Nhơn Trị - Nhơn Thạnh Trung)	Cầu Đình – Đê bao Nhơn Trị		450,000
10	Đường nối tập đoàn 6	Trường học Nhơn Thạnh Trung - Lê Thị Trăm (Đường Tập đoàn 6 Nhơn Thuận)		300,000

11	Đường Trường học Nhơn Thanh Trung	Bùi Tấn (Đường Lộ Đình -Nhơn Thanh Trung) - Mai Thu		500,000
12	Đường từ cầu Ông Thờ đến đường Huỳnh Thị Lung	Cầu Ông Thờ - Huỳnh Thị Lung (Đường Tập đoàn 8 Nhơn Thuận - Nhơn Thanh Trung)		300,000
III	Đường giao thông có nền đường ≥ 3m, có trải đá, sỏi đỏ, bê tông hoặc láng nhựa	Phường nội thị (1, 2, 3, 4)	520,000	
		Phường 5, 6, 7, Tân Khánh, Khánh Hậu	450,000	
		Xã		300,000
E	CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG			
*	CÁC CƯ XÁ			
1	Cư xá - Khu vực cầu đường 714	Đường chính (đường nhựa)	1,700,000	
		Đường chính (đường đá đỏ)	1,200,000	
		Các đường, hẻm còn lại	550,000	
2	Cư xá Công ty Giao Thông, Phường 5	Đường ≥ 3 m	650,000	
		Đường < 3 m	450,000	
3	Cư xá Công ty Lương Thực	Đường ≥ 3 m	650,000	
		Đường < 3 m	450,000	
4	Cư xá Công ty Xây Lắp		550,000	
5	Trần Trung Tam (Cư xá Phường III (A+B))	Các căn đầu hồi bên ngoài tiếp giáp đường chính cư xá	1,300,000	
		Các căn còn lại	750,000	
6	Cư xá Phường IV	Các căn đầu hồi bên ngoài tiếp giáp đường chính cư xá	1,100,000	
		Các căn còn lại	550,000	
7	Cư xá Sương Nguyệt Anh		1,300,000	
8	Cư xá Thống Nhất		2,650,000	
*	CÁC KHU DÂN CƯ			
2	Khu dân cư Bình Tâm	Khu kinh doanh		1,600,000
		Khu ưu đãi		1,400,000
		Khu tái định cư		1,200,000
3	Khu dân cư Công ty ĐTXD phường 6	Đường song hành khu vực đường vòng tránh	4,300,000	
		Đường Hùng Vương nổi dài	5,300,000	
		Đường số 1 và đường số 2	3,700,000	
		Các đường còn lại	2,650,000	
4	Khu nhà công vụ	Loại 1	1,400,000	
		Loại 2	1,200,000	

5	Khu dân cư Dịch vụ - Thương mại Nam trung tâm hành chính phường 6 (Công ty Cổ phần Thái Dương đầu tư)	Hùng Vương nối dài	5,500,000	
		Đường số 1 (liên khu vực)	3,700,000	
		Đường số 2, 3, 5	2,700,000	
		Đường số 4, 6	2,200,000	
6	Khu dân cư Đại Dương phường 6	Đường số 1 (đường đôi)	2,700,000	
		Các đường còn lại	1,600,000	
7	Khu dân cư đối diện công viên phường 3			
	Đường số 1	Giao với đường Hùng Vương	7,000,000	
	Đường số 2	Giao với đường số 1	3,700,000	
	Đường số 3	Giao với đường số 2	3,200,000	
8	Khu dân cư Lainco	Đường số 1, 2 (đường đôi) và một phần đường số 12 và đường số 13 khu thương mại		2,100,000
		Các đường còn lại		1,600,000
9	Khu dân cư Nam trung tâm phường 6 (Công ty Kiến Phát)	Hùng Vương nối dài	5,500,000	
		Đường số 1 nối dài + đường liên khu vực	3,800,000	
		Đường số 4 nối dài, đường số 6	2,800,000	
		Đường số 2, 3, 5	2,200,000	
10	Khu dân cư phường 5 – Công ty Cổ phần Địa ốc Long An	Đường số 1 và đường số 3	2,200,000	
		Đường số 2, đường số 4 (Đoạn từ đường số 3 đến đường số 7), đường số 8, đường số 9 và đường số 13	1,700,000	
11	Khu dân cư Thành Tài bờ kênh P7	Các đường nội bộ	1,700,000	
PHẦN II: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP VỚI SÔNG, KÊNH				
	Áp dụng giá đất ở tại phần III			
PHẦN III: NHÓM ĐẤT Ở KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II				
1	Phường nội thành phố (1, 2, 3, 4)		400,000	
2	Phường 5, 6, 7, Tân Khánh, Khánh Hậu		300,000	

3	Xã			250,000
---	----	--	--	---------